

Số: 207 /QĐ-UBND

Phường Quang Trung, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 của UBND phường Quang Trung

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 293/TB-TCKH ngày 07/4/2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch quận Hà Đông về việc thẩm định quyết toán NS UBND phường Quang Trung năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính - Kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

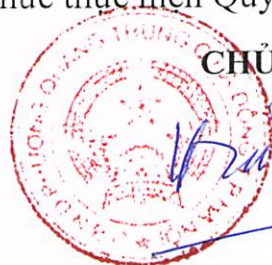
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 của UBND phường Quang Trung (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, bộ phận Tài chính – Kế toán và các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân quận;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận;
- TT Đảng ủy, UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Tám

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND phường Quang Trung)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.050.314	1.050.314	0	
I	Số thu phí, lệ phí	1.050.314	1.050.314	0	
1	Phí, lệ phí	189.885	189.885	0	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	771.529	771.529	0	
3	Thu khác	88.900	88.900	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.050.314	1.050.314	0	
1	Phí, lệ phí	189.885	189.885	0	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	771.529	771.529	0	
3	Thu khác	88.900	88.900	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.604.839	8.604.839	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.604.839	8.604.839	0	
1	Chi quản lý hành chính	7.713.717	7.713.717	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.849.343	3.849.343	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.864.374	3.864.374	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	154.607	154.607	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	154.607	154.607	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	513.655	513.655	0	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	513.655	513.655	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	16.540	16.540	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.540	16.540	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.518	7.518	0	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.518	7.518	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	66.915	66.915	0	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	66.915	66.915	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	9.265	9.265	0	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.265	9.265	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	122.622	122.622	0	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	122.622	122.622	0	
C	Quyết toán chi Đảng phí	474.701	474.701	0	

Tên Quỹ: Quỹ đền ơn đáp nghĩa
Địa chỉ: phường Quang Trung
Số điện thoại (nếu có):

Mẫu CKQ 01

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

Các khoản thu	Số tiền	Các khoản chi	Số tiền
1-Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	69.145	1- Chi theo sự ủy nhiệm của người tài trợ, cho các đối tượng có địa chỉ cụ thể: Tặng sổ tiết kiệm	10.000
2- Thu các khoản tài trợ, ủng hộ có mục đích và địa chỉ cụ thể: UBND quận tặng sổ tiết kiệm	10.000	2- Hỗ trợ các chương trình, các đề án theo kế hoạch hoạt động của quỹ:	-
3- Thu các khoản tài trợ cho các mục đích, hoạt động chung (không theo địa chỉ cụ thể)	90.939	3- Chi theo các mục đích huy động đóng góp (nếu có): tặng quà cho đối tượng chính sách, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ khám chữa bệnh người có công	144.800
4- Thu các khoản đóng góp cho các mục đích (nếu có): ghi theo từng mục đích cụ thể	-	4- Chi cho công tác quản lý quỹ (nếu có)	
Thu khác	-		
Tổng cộng:	170.084	Tổng cộng:	154.800
Tồn quỹ cuối kỳ	15.284		

Ngày 20 tháng 6 năm 2023

Trưởng ban quản lý quỹ

(Chủ tài khoản)



Hoàng Văn Tám